

Số:26/2021/QĐST-HNGĐ

Kim Động, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:20/2021/TLST- HNGĐ ngày 22/3/2021giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Chi P, sinh năm 1998. HKTT: thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1997. HKTT: thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Khánh A, sinh ngày 02/01/2020. Hiện nay cháu An đang ở cùng với anh Trà. HKTT: thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật cho Trần Khánh A: Chị Phạm Thị Chi P và anh Trần Xuân T.

4. Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu A: Bà Phạm Thị T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Chi P và anh Trần Xuân T.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là cháu Trần Khánh A, sinh ngày 02/01/2020. Hiện nay cháu A đang ở cùng với anh T. Hai bên thỏa thuận, giao chị P được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn tính từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Hàng tháng, anh T có quyền thăm nom, đón con chung 2 lần/tháng, mỗi lần đón con là 02 ngày/ 01 lần. Trường hợp gia đình anh T có công việc (cưới hỏi, ma chay), anh T được quyền đón con chung nhưng không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: Chị P và anh T đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Chi P chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001976 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Song Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Oanh

